

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2024/HS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung - Nghề nghiệp: Bí thư Đoàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Bà Đỗ Thị Thu Hà - Nghề nghiệp: Phó chủ tịch HĐND xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 188/2024/TLST - HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**

Không có tên gọi khác.

Sinh năm: 2000 tại tỉnh Điện Biên.

Nơi thường trú - nơi ở hiện tại: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Đức T và bà: Quàng Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không, tiền sự: Năm 2022 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Nhân thân: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. (Bị cáo đã chấp hành xong bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 23/5/2024 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (Có mặt)

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Duy L - Sinh năm: 1957; Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Cháu Hoàng Nguyễn Nhật M - Sinh năm: 2007; Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện hợp pháp của cháu M: Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1965; Nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1989; Nơi thường trú: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Chị Hà Thị T - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 04/5/2024 đến ngày 15/5/2024 Lò Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với tổng giá trị là 14.400.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 08 giờ ngày 04/5/2024 Lò Văn T đi bộ đến khu vực tổ dân phố X, phường Th, thành phố Đ để tìm tài sản trộm cắp. Khi thấy một quán tạp hoá mở cửa, T quan sát xung quanh không có ai, liền đi vào trong quán thấy một chiếc xe đạp thể thao màu đỏ - đen, nhãn hiệu ALCOTT, GT09 trị giá 1.300.000 đồng của ông Nguyễn Duy L. T dắt xe ra đường rồi đạp xe theo hướng Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ. Khi đến quán mua bán xe đạp của anh Nguyễn Văn Q, T bán chiếc xe này cho anh Q được 800.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 10/5/2024 sau khi chơi game tại quán Home run tại tổ dân phố M, phường M, thành phố Đ, T nhìn thấy ở sân quán game có 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu GIANS, màu đen trị giá 2.100.000 đồng của cháu Hoàng Nguyễn Nhật M đang dựng ở sân, T dắt xe ra ngoài đường rồi ngồi lên xe dùng hai chân đẩy xe xuống khu vực C4 giáp phường N, thành phố Đ. Khi đến chỗ không có người, T dùng tay cạy nắp vỏ xe cạnh ổ khoá rồi nối hai dây điện với nhau, mở khoá điện, xe sáng đèn. T điều khiển xe đến Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và bán xe cho anh Nguyễn Văn T được 800.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/5/2024, T đi bộ đến khu vực tổ dân phố X, phường N, thành phố Đ để tìm tài sản trộm cắp. Khi thấy 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINFAST, màu Xám Đen, biển số 27MĐ1-070.xx, trị giá

8.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị M đang để trên vỉa hè, T dắt xe xuống đường, ngồi lên xe dùng chân đẩy về hướng Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên. Khi đến đoạn đường vắng người, T dùng tay cạy nắp xe cạnh ổ khoá và nối dây điện, mở khoá điện, đèn xe sáng lên. T điều khiển xe đi theo dọc bờ nương hướng huyện Đ. Trên đường đi T bị ngã xe, khiến xe bị vỡ chắn bùn trước và đèn xe. Khi đến đoạn đường vắng T tháo vỏ phần đầu và cạnh xe máy điện ra đặt ở phần đế chân của xe. T điều khiển xe đến Cửa hàng thu mua phế liệu ở Bản P, xã N, huyện Đ và bán chiếc xe này cho chị Hà Thị T được 450.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 23 giờ ngày 15/5/2024, T đi quanh khu vực dọc bờ nương phường H, thành phố Đ khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị Ngọc H thấy cổng nhà không đóng, trong sân có 01 chiếc xe đạp màu xanh - đen, trên khung xe có in chữ và số: TRINX, TX06, F289396 trị giá 3.000.000 đồng của chị H. T quan sát xung quanh thấy không có người nên đi vào trong cổng dắt xe ra đường, rồi đạp xe đi để tránh bị phát hiện. Đến ngày 18/5/2024 T cùng Lương Văn L (sinh năm 2000, trú tại bản H, xã Th, huyện Đ) đang điều khiển chiếc xe này theo hướng xã Th, huyện Đ để tìm nơi bán xe thì bị Cơ quan Công an phát hiện, mời về trụ sở làm việc.

Toàn bộ số tiền bán tài sản do trộm cắp mà có T tại đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng vụ án: 01 chiếc xe đạp màu xanh - đen, trên khung xe có in chữ và số: TRINX, TX06, F289396 do bị can giao nộp; 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu GIANS, màu đen do ông Nguyễn Văn T giao nộp; 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINFAST, màu: Xám Đen, biển số: 27MĐ1-070.09 do chị Hà Thị T giao nộp; 01 chiếc xe đạp thể thao màu đỏ - đen, nhãn hiệu ALCOTT, GT09 do ông Nguyễn Duy L giao nộp.

Quá trình điều tra: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu T phải bồi thường số tiền 3.679.000 đồng do chiếc xe bị hỏng phải sửa chữa. Chị Hà Thị T yêu cầu T trả lại số tiền 450.000 đồng đã bỏ ra để mua chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINFAST, màu: Xám Đen, biển số: 27MĐ1-070.09. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu T bồi thường số tiền 2.135.000 đồng là tiền đã bỏ ra để mua lại chiếc xe và chi phí sửa chữa. Ông Nguyễn Duy L đã tự bỏ ra 1.000.000 đồng để chuộc chiếc xe đạp thể thao của mình tại cửa hàng mua bán xe đạp, ông không yêu cầu T phải bồi thường. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Hoàng Nguyễn Nhật M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu T phải bồi thường gì. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 450.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL ngày 20/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã kết luận: 01 chiếc xe đạp thể thao có giá trị 1.300.000 đồng. 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu GIANS có giá trị 2.100.000 đồng. 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINFAST có giá trị 8.000.000 đồng. 01 chiếc xe đạp màu xanh - đen có giá trị 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 14.400.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 122/CT - VKSTPĐBP ngày 05/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố ra trước Toà án nhân dân thành

phố Điện Biên Phủ để xét xử bị cáo Lò Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS: Xử phạt bị cáo từ 17 đến 20 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS, Điều 589/BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 3.679.000 đồng, anh Nguyễn Văn T số tiền 2.135.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không trình bày gì để bào chữa cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để cho bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra họ đã có đầy đủ lời khai, việc họ xin vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX chấp nhận và xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định: Từ ngày 04/5/2024 đến ngày 15/5/2024, tại địa bàn thành phố Đ, tỉnh Điện Biên Lò Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị 14.400.000 đồng nhằm mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 lần, trong đó có 03 lần giá trị tài sản trên 2 triệu đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu.

Bị cáo có 01 tiền sự: Tại Quyết định số 12/2022/QĐ-TA ngày 27/5/2022 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Ngày 08/01/2024 bị cáo chấp hành xong quyết định. Tính đến ngày phạm tội chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Tại bản án số 69/2017/HSST ngày 27/7/2017 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích.

Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để thay đổi bản thân. Để có tiền chi tiêu cá nhân và sử dụng ma túy bị cáo đã thực hiện hành phạm tội.

Do đó, hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật. Cũng để bị cáo có thời gian cai nghiện được ma túy sớm trở lại hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản mà bị cáo trộm cắp cho các chủ sở hữu. Việc trả lại tài sản là đúng quy định nên HĐXX chấp nhận và không xử lý về vật chứng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.679.000 đồng chi phí sửa chữa xe. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường 2.135.000 đồng là tiền đã bỏ ra để mua lại chiếc xe và chi phí sửa chữa. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của chị M và anh T. Do đó cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho chị M, anh T số tiền trên. Ngoài ra, theo quy định của pháp luật, bị cáo còn phải trả tiền lãi nếu chậm thi hành.

Ông Nguyễn Duy L đã tự bỏ ra 1.000.000 đồng để chuộc chiếc xe đạp thể thao của mình, ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, gia đình cháu Hoàng Nguyễn Nhật M không yêu cầu bị cáo phải bồi

thường do chiếc xe đã được trả lại. Chị Hà Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 450.000 đồng đã bỏ ra để mua chiếc xe máy điện VINFAST. Việc ông L, chị H, cháu M, chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác: Đối với anh Lương Văn L - Sinh năm 2000; Địa chỉ: Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên: Quá trình điều tra xác định L không biết và không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét xử lý trong vụ án nên HĐXX không triệu tập tham gia tố tụng và xem xét xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 HĐXX chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (23/5/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 3.679.000 (ba triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.135.000 (hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả theo quy định khoản 2 tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2024). Bị hại có quyền kháng cáo bản án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- BP HSNV CATP ĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ